

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4240/2023/KDTM-ST
Ngày: 06/11/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái;
2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6294/2023/QĐXX-KDTM, ngày 25 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6737/2023/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH cơ khí thương mại V

Trụ sở: Số 26 F, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền 1: Ông Nguyễn Bá T

Đại diện ủy quyền 2: Bà Huỳnh Thị Mai P

Cùng địa chỉ: 43/72 C, Phường 4, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2023).

Bị đơn: Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G

Trụ sở: Số 39, đường số 10, V, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: Ông Phạm Tấn L.

Địa chỉ: 4A Đường 17, phường A. thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện Công ty TNHH cơ khí thương mại V có mặt, đại diện Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn là Công ty TNHH cơ khí thương mại V trình bày:

Ngày 04/11/2020, Công ty TNHH cơ khí thương mại V (Sau đây gọi tắt là Công ty V) ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số: 19/11/2020/HĐ – V/XNKDTSG với Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G (Sau đây gọi tắt là Công ty G). Hợp đồng có giá trị: 25.803.255.000 đồng. Đối tượng của hợp đồng là Tấm pin thu năng lượng mặt trời. Thời gian giao hàng từ ngày 25/11/2020 đến ngày 30/11/2020.

Ngày 05/11/2020, Công ty V chuyển 2.200.000.000 đồng và 3.500.000.000 đồng cho Công ty G để tạm ứng tiền hàng theo Hợp đồng số 19.

Ngày 06/11/2020, Công ty V chuyển 2.040.967.500 đồng cho Công ty G để tạm ứng tiền hàng theo Hợp đồng số 19.

Ngày 24/11/2020, Công ty G gửi thông báo chứng từ giao hàng là 02 Bill of Lading số SITGSHSGK63122A và SITGSHSGK63097 và yêu cầu Công ty V chuyển tiền tương ứng để lấy lô hàng.

Ngày 25/11/2020, Công ty V tiếp tục chuyển cho Công ty G 5.000.000.000 đồng để tạm ứng tiền hàng theo Hợp đồng số 19.

Ngày 10/12/2020, Công ty G đã giao 02 Container hàng cho Công ty V nhưng không đúng chủng loại được quy định tại Hợp đồng số 19.

Theo thỏa thuận ba bên gồm Công ty G, Công ty V và Công ty Cổ phần Đầu Tư O /cá nhân ông Võ Minh H, Công ty V đã thay mặt Công ty G nộp số tiền: 747.060.713 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm mười ba đồng) cho Công ty Cổ phần Đầu Tư O nội dung thanh toán thuế VAT và cước tàu + local charges.

Tổng số tiền tạm ứng theo Hợp đồng số 19 mà Công ty V đã chuyển cho Công ty G là: 13.488.207.713 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười ba đồng).

Tính đến thời điểm khởi kiện Công ty G mới giao cho Công ty V số hàng hóa có giá trị theo hóa đơn là: 3.788.729.998 đồng (ba tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi tám đồng).

Công ty G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng cho Công ty V như cam kết được quy định tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng số 19.

Hành vi của Công ty G đã vi phạm quy định tại: Khoản 1.2 Điều 1 và Khoản 2,1 Điều 2 của Hợp đồng số 19.

1. Hủy một phần của Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 19/11/2020/HĐ V/XNKDTSG ngày 04/11/2020 tương đương với số hàng hóa mà Công ty G đã không giao cho Công ty V Gòn đã không giao cho Công ty Việt Hoàng, có giá trị là: 22.014.495.002 đồng (Hai mươi hai tỷ, mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm lẻ hai đồng).

2. Buộc Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu G trả cho Công Ty TNHH Cơ Khí Thương Mại V tổng số tiền là: 11.460.457.815 đồng (Bằng chữ mười một tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm mười lăm đồng). Trong đó bao gồm các khoản sau:

2.1. Số tiền V đã tạm ứng sau khi trừ số hàng đã nhận: 9.699.298.215 đồng (Bằng chữ: chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm mười lăm đồng).

2.2. Tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm $22.014.495.000 \times 8\% = 1.761.159.600$ (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty G đã thanh toán cho Công ty V một phần giá trị hợp đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/01/2023 Công ty G đã xác nhận số tiền nợ tính đến ngày 31/12/2022. Theo đó, thống nhất số tiền Công ty V đã tạm ứng cho Công ty G nhưng chưa được nhận hàng là: $12.740.967.500 - 10.644.570.009 = 2.096.397.491$ đồng.

Ngày 18/7/2023 Công ty V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Rút yêu cầu buộc Công ty G phải thanh toán số tiền 747.060.713 đồng.

Nay Công ty V xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Hủy một phần của Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 19/11/2020/HĐ V/XNKDTSG ngày 04/11/2020 tương đương với số hàng hóa mà Công ty G đã không giao cho Công ty V, có giá trị là: 15.158.684.991 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm năm tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm chín mươi một đồng).

2. Buộc Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu G trả cho Công ty TNHH cơ khí thương mại V tổng số tiền là: 3.309.092.290 đồng (Ba tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi mn đồng). Trong đó bao gồm các khoản sau:

2.1. Tiền đã tạm ứng nhưng chưa được nhận hàng là: 12.740.967.500 10.644.570.009 = 2.096.397.491 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng).

2.2. Tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là: 15.158.684.991 x 8% = 1.212.694.799 (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười hai triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng)

Bị đơn là Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G có người đại diện theo pháp luật ông Phạm Tấn L có Bản tự khai ngày 03/3/2023 trình bày ý kiến như sau: Công ty Đầu tư G có ký hợp đồng với Công ty TNHH Cơ Khí V về cung cấp tấm pin năng lượng mặt trời với giá trị hợp đồng là 25.803.225.000 đồng. Công ty Đầu tư G đã tiến hành giao hàng cho Công ty V làm 2 đợt như sau:

- Ngày 10/12/2020: Số lượng tấm pin là 1320 tấm trị giá 3.788.730.000 đồng theo hóa đơn số 0000251.

- Ngày 10/01/2021: Theo thỏa thuận khác thông qua, Công ty O đã giao cho tấm pin Jinko trị giá 6.855.840.000 đồng. (Công ty O do ông Võ Minh H đại diện giao, có ủy quyền của Công ty Đầu tư G), hóa đơn 000024.

Căn cứ theo số tiền Công ty V đã chuyển cho Công ty Đầu tư Sài Gòn là 12.740.967.500 đồng, trừ đi số lượng hàng đã giao, công nợ giữa Công ty Đầu tư Sài Gòn và Công ty V là 2.096.397.500 đồng.

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G không đồng ý việc hủy một phần hợp đồng với Công ty V và việc Công ty V yêu cầu Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G hoàn trả 11.460.457.815 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Công ty V yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền 2.096.397.491 đồng (Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng) và tiền phạt vi phạm là 8% giá trị hợp đồng bị vi

phạm là 2.096.397.491 đồng x 8% = 167.711.799 (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm chín mươi chín) đồng. Tổng cộng là 2.264.109.290 (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm chín mươi) đồng. Rút một phần phạt vi phạm chênh lệch trước đây tính là 1.044.982.990 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án án nhân dân thành phố Thủ Đức cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty G phải thanh toán số tiền là 2.096.397.491 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng) và tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là 167.711.799 (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm chín mươi chín) đồng phù hợp với quy định nên đề nghị chấp yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ tranh chấp giữa Công ty V và Công ty G là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G có trụ sở tại Số 39, đường số 10, V, phường P, thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G có trụ sở: Số 39, đường

số 10, V, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện pháp luật: Ông Phạm Tấn L

Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Ngày 28/12/2021 Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 92/2021/TBTL ngày 19/5/2021 và Giấy triệu tập đối với đại diện Công ty G để trình bày bản tự khai vào lúc 14 giờ ngày 13/01/2022;

- Ngày 07/8/2023 Tòa án tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 24/8/2023;

- Ngày 29/9/2023 Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6294/2023 ngày 25/9/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 17/10/2023;

- Ngày 20/10/2023 Tòa án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 6737/2023/QĐ ngày 17/10/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 06/11/2023;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty G tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty G.

Ngày 18/7/2023 Công ty V có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 747.060.713 đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa Công ty Cổ phần Đầu Tư O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty G phải thanh toán số tiền nợ gốc 2.096.397.491 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng) đồng như sau:

Công ty V hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty G hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp công ty cổ phần, có mã số doanh nghiệp 0314502113 đăng ký lần đầu ngày 07/7/2017, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 04/11/2020, Công ty V và Công ty G cùng nhau ký kết các Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp thiết bị điện năng lượng mặt trời số: 19/11/2020/HĐ – V/XNKDTSG. Hợp đồng có giá trị: 25.803.255.000 đồng. Đối tượng của hợp đồng là Tấm pin thu năng lượng mặt trời. Thời gian giao hàng từ ngày 25/11/2020 đến ngày 30/11/2020. Như vậy, hợp đồng được ký là phù hợp với chức năng ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng hai bên đã ký kết.

Tổng số tiền tạm ứng theo Hợp đồng số 19 mà Công ty V đã chuyển cho Công ty G là: 12.740.967.500 đồng, Công ty G mới giao cho Công ty V số hàng hóa tương đương 10.644.570.009 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/01/2023 Công ty G thừa nhận tính đến ngày 31/12/2022 còn nợ Công ty V số tiền 2.096.397.491 đồng. Như vậy, Công ty G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng cho Công ty V như cam kết được quy định tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng số 19. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty G phải thanh toán cho Công ty V số tiền 2.096.397.491 đồng do vi phạm Hợp đồng số 19 ngày 04/11/2020 là có căn cứ.

Công ty V đã nhiều lần đề nghị Công ty G thanh toán số tiền nợ nói trên nhưng Công ty G vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do Công ty G không chấp hành yêu cầu triệu tập tham gia phiên tòa và cũng không có lời khai tại phiên tòa nhưng có Bản tự khai đề ngày 03/3/2023 của ông Phạm Tấn L đại diện pháp luật của Công ty G đã thừa nhận: *“Căn cứ theo số tiền Công ty V đã chuyển cho Công ty Đầu tư G là 12.740.967.500 đồng, trừ đi số lượng hàng đã giao, công nợ giữa Công ty Đầu tư G và Công ty V là 2.096.397.500 đồng”*.

Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ trên cho thấy Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty V. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền 2.096.397.491 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu hủy một phần của Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 19/11/2020/HĐ V/XNKDTSG ngày 04/11/2020 tương đương với số hàng hóa mà Công ty G đã không giao cho Công ty V, có giá trị là: 15.158.684.991 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm năm tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm chín mươi một đồng) Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo nội dung tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng số 19 các bên thỏa thuận: “Nếu bên A (Công ty G) chậm tiến độ theo khoản 1.2 Điều 1 thì bên A sẽ phải bồi thường 0,1% giá trị hợp đồng cho 01 ngày chậm tiến nhưng không được chậm quá 8 ngày kể từ ngày đến hạn. Quá thời hạn nêu trên, bên B (Công ty V) có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng này và bên B phải hoàn lại số tiền mà bên B đã thanh toán cũng như bồi thường thiệt hại 8% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B”.

Như đã phân tích trên, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ bàn giao hàng hóa tương đương với số tiền 15.158.684.991 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm năm tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm chín mươi một đồng) cho Công ty V, do đó Công ty V có quyền hủy bỏ một phần hợp đồng số 19 là phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã giao kết. Do đó, yêu cầu này của Công ty V có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc Công ty G phải thanh toán cho Công ty V tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo nội dung tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng số 19 các bên thỏa thuận: “Nếu bên A (Công ty G) chậm tiến độ theo khoản 1.2 Điều 1 thì bên A sẽ phải bồi thường 0,1% giá trị hợp đồng cho 01 ngày chậm tiến nhưng không được chậm quá 8 ngày kể từ ngày đến hạn. Quá thời hạn nêu trên, bên B (Công ty V) có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng này và bên B phải hoàn lại số tiền mà bên B đã thanh toán cũng như bồi thường thiệt hại 8% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B”.

Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên Công ty G phải trả cho Công ty V số tiền phạt do vi phạm hợp đồng mà các bên thỏa thuận là 8% giá trị còn lại cho Công ty V. Như vậy số tiền phạt vi phạm hợp đồng sẽ được tính như sau: $2.096.397.491 \text{ đồng} \times 8\% = 167.711.799 \text{ đồng}$. Công ty V yêu cầu Công ty G phải trả số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 167.711.799 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty G phải thanh toán cho Công ty V là: 2.264.109.290 (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm chín mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.096.397.491 (Hai tỷ, không trăm

chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm chín mươi một) đồng, tiền phạt do vi phạm hợp đồng 167.711.799 (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm chín mươi chín) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/7/2023 Công ty V có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 747.060.713 (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm mười ba) đồng và tại phiên tòa đại diện Công ty V rút lại cách tính tiền phạt vi phạm chỉ tính trên số tiền Công ty G vi phạm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty V được chấp nhận đối với số tiền 2.264.109.290 đồng nên Công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch và án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy một phần hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH cơ khí thương mại V:

1.1. Hủy một phần của Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 19/11/2020/HĐ V/XNKDTSG ngày 04/11/2020 giữa Công ty TNHH cơ khí thương mại V và Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G tương đương với số hàng hóa mà Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu đầu tư G đã không giao cho Công ty TNHH cơ khí thương mại V, có giá trị là: 15.158.684.991 đồng (*Mười lăm tỷ, một trăm năm tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm chín mươi một đồng*).

1.2. Buộc Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G phải thanh toán số tiền là 2.264.109.290 (*Hai tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm chín mươi*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.096.397.491 (*Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm*

chín mươi mốt) đồng, tiền phạt do vi phạm hợp đồng 167.711.799 (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm chín mươi chín) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH cơ khí thương mại V về việc buộc Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G phải thanh toán số tiền là 747.060.713 (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm mười ba) và tiền phạt vi phạm là 1.044.982.990 (Một tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, chín trăm chín mươi) đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G phải chịu án phí là 77.282.186 (Bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, một trăm tám mươi sáu) đồng.

Buộc Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G phải chịu án phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH cơ khí thương mại V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.730.229 (Năm mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi ngàn, hai trăm hai mươi chín) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0047893 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ Công ty TNHH cơ khí thương mại V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Đầu tư G còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hải Yến